

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 603 /2021/HNGĐ - ST

Ngày 13 - 8 - 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Ông Nguyễn Ron

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997.

Trú tại: thôn Xuân Bình B, xã M, Huyện. P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ 34B, KV4, Phường. Q, Tp Q, tỉnh B.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Phạm Văn T tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Q, Tp. Q vào ngày 28/8/2018. Sau khi

cưới vợ chồng chị sống chung bên nhà chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên sống không hợp, bất đồng quan điểm, anh T ham chơi cờ bạc, cá độ bóng đá gây nợ nần; chị và gia đình nhiều lần trả nợ cho anh T. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Thời gian qua, chị cùng hai bên gia đình nhiều lần nhắc nhở, động viên nhưng anh T không thay đổi, vẫn chứng nào tật nấy; mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng rồi dần dần không còn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019 chị về nhà mẹ ruột ở huyện P ở cho đến nay; hai bên không liên lạc, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Hiện tại chị thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

- *Bị đơn anh Phạm Văn T*: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn anh Phạm Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Phạm Văn T, trú tại địa chỉ: Tổ 34B, KV4, Phường Q, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn T để làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2018 tại UBND phường Q, Tp. Q trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị T, sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc là do hai bên sống không hợp, bất đồng quan điểm; anh T ham chơi cờ bạc, cá độ bóng đá gây nợ nần; ngoài ra anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị nhiều lần động viên nhắc nhở nhưng anh T không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nên hai bên sống ly thân, chị về nhà mẹ ruột ở từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không gặp, không liên lạc và mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng vì hai bên không còn tình cảm vợ chồng.

HĐXX nhận thấy: Vợ chồng chị T và anh T sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa làm việc và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T không có con chung nên Tòa không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Văn T.
2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn T không có con chung nên Tòa không giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu Thanh không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002449 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND P. Q, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

